

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL23B2KH
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Nghịệp vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Luật Thuế(1)	Luật Tài chính(2)	Luật Thương mại(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353801015299	Đoàn Văn	Dễ	01/01/1975	8.7	8.2	9.6	7.6	5.6	6.0	5.4	7.2	7.3	Khá
02	2353801015300	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	04/10/2003	9.4	8.5	9.9	7.4	5.6	7.9	7.1	8.4	8.0	Giỏi
03	2353801015302	MATH SA	RI	18/08/1968	9.6	8.8	9.9	7.7	5.8	9.1	7.9	6.3	8.0	Giỏi
04	2353801015303	Vũ Đình	Son	07/02/1998	9.8	9.4	9.9	7.7	6.6	8.5	7.1	7.5	8.3	Giỏi
05	2353801015305	Phạm Hồng	Thái	29/09/1981	9.8	9.6	9.9	8.8	6.1	8.2	7.4	7.2	8.3	Giỏi
06	2353801015306	Trần Thị	Thắm	20/07/1984	9.9	5.7	9.9	7.7	5.5	7.3	4.9	6.6	6.5	Trung bình
07	2353801015307	Nguyễn Phúc	Thành	17/04/1987	9.8	8.7	9.6	7.6	6.3	6.6	4.8	8.4	7.7	Khá
08	2353801015308	Đoàn Văn	Thi	06/09/1976	9.0	7.6	9.5	7.7	5.6	7.2	6.6	6.6	7.3	Khá
09	2353801015309	Hồ Văn	Thích	09/09/1982	9.8	8.8	9.9	7.7	6.3	7.9	4.8	8.4	7.8	Khá
10	2353801015310	Dương Bảo	Toàn	07/02/1986	9.1	8.6	9.9	7.6	6.4	8.1	6.6	6.6	7.8	Khá
11	2353801015311	Huỳnh Ngọc Thùy	Trang	15/01/1983	9.9	8.1	9.9	7.7	5.9	9.4	6.3	7.8	7.8	Khá
12	2353801015314	Huỳnh Ngọc	Trọng	19/01/2004	8.1	9.5	9.7	7.7	6.2	8.5	7.2	8.1	8.3	Giỏi
13	2353801015315	Lâm Trung	Trực	21/03/2005	8.8	8.8	9.7	7.7	7.0	7.9	6.8	6.9	8.0	Giỏi
14	2353801015316	Phùng Thành	Tú	28/02/1998	9.2	8.4	9.5	7.6	6.9	7.5	4.7	7.2	7.5	Khá
15	2353801015317	Phạm Văn	Tuấn	24/10/1976	9.9	8.9	9.9	8.0	5.9	7.2	6.8	7.5	7.9	Khá
16	2353801015318	Thái Văn	Út	15/03/1986	9.3	9.5	9.9	9.4	6.3	8.8	6.8	7.2	8.3	Giỏi
17	2353801015319	Hàng Thị Ái	Vân	06/07/1997	9.2	8.4	9.4	7.6	7.1	5.4	4.2	6.3	7.2	Khá
18	2353801015320	Lê Thị Kim	Yến	30/05/2003	8.6	7.9	9.6	6.9	6.3	8.1	6.1	7.2	7.5	Khá
19	2353801015376	Lê Nguyễn Thị Tú	Yên	18/10/2004	9.1	9.0	9.6	7.7	5.6	7.5	7.0	7.5	7.9	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 23 tháng 12 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái